

## DỊCH VỤ VCB-MONEY

Áp dụng tỷ giá, phí, lãi suất hiện hành do Vietcombank công bố.

Phí thường niên: **1.000.000 VND/năm/ user** (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)

## BIỂU PHÍ DỊCH VỤ VCB-SMS B@N KING

STT	DỊCH VỤ	MỨC PHÍ
1	<b>Dịch vụ truy vấn thông tin tài khoản</b>	1.000VNĐ/ 1 tin nhắn (do công ty cung cấp dịch vụ viễn thông thu trực tiếp từ thuê bao gửi tin nhắn)
2	<b>Dịch vụ nhắn tin chủ động</b> (không giới hạn số lượng tin nhắn thông báo biến động số dư tài khoản trong tháng).	55.000 VNĐ/1 tháng/1 số điện thoại đăng ký

### Ghi chú:

- *Mức phí quy định đã bao gồm thuế giá trị gia tăng.*
- *Phí được tính bằng VND hoặc ngoại tệ tương đương theo tỷ giá do VCB công bố tại thời điểm thu phí.*
- *Phí được thu trực tiếp từ tài khoản thanh toán mặc định mà khách hàng đăng ký dịch vụ SMS B@nking vào ngày đầu tiên của tháng tiếp theo, trừ khi có thoả thuận khác.*
- *Vietcombank không hoàn trả lại phí đã thu trong trường hợp khách hàng yêu cầu hủy bỏ giao dịch hoặc giao dịch không thực hiện được vì sai sót, sự cố không phải do lỗi của Vietcombank gây ra.*
- *Các mức phí được thay đổi mà không cần có sự báo trước của ngân hàng trừ khi ngân hàng và khách hàng có thoả thuận khác.*

**BIỂU PHÍ DỊCH VỤ CHUYỂN TIỀN VNĐ TRONG NƯỚC  
QUA KÊNH NGÂN HÀNG TRỰC TUYẾN VCB-IB@NKING**

<b>STT</b>	<b>DỊCH VỤ CHUYỂN TIỀN ĐI</b>	<b>MỨC PHÍ</b>
<b>1</b>	<b>Chuyển tiền đi cùng hệ thống VCB</b>	
1.1	Trích tài khoản chuyển đi ( <i>Tài khoản – Tài khoản</i> )	10.000 VNĐ/món, không phân biệt cùng/khác địa bàn tỉnh/TP
1.2	Trích tài khoản chuyển đi cho người nhận bằng CMND, Hộ chiếu ( <i>Tài khoản - Tiền mặt</i> )	0,03% Tối thiểu 10.000 VNĐ Tối đa 1.000.000 VNĐ
<b>2</b>	<b>Chuyển tiền đi khác hệ thống VCB</b>	(Áp dụng như giao dịch tại quầy)
2.1	Chuyển tiền đi khác hệ thống VCB, cùng địa bàn tỉnh/TP :	
	* < 500 triệu VNĐ	10.000 VNĐ/1 món
	* ≥ 500 triệu VNĐ	0,01% Tối thiểu 15.000 VNĐ Tối đa 300.000 VNĐ
2.2	Chuyển tiền đi khác hệ thống VCB, khác địa bàn tỉnh/ TP :	0,05% Tối thiểu 25.000 VNĐ Tối đa 1.000.000 VNĐ
<b>3</b>	<b>Các loại phí khác</b>	
3.1	Phí thường niên	100.000 VNĐ/năm
3.2	Phí thẻ EMV-OTP	50.000 VNĐ/cái
3.3	Phí đầu đọc thẻ EMV	200.000 VNĐ/cái
3.4	Phí bảo hành, sửa chữa thiết bị (thẻ EMV, đầu đọc thẻ EMV)	Thu theo thực tế của nhà cung cấp

**Ghi chú:**

- Mức phí quy định chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.
- Phí được tính bằng VNĐ hoặc ngoại tệ tương đương theo tỷ giá do VCB công bố tại thời điểm thu phí..
- Trường hợp khách hàng bán ngoại tệ chuyển khoản để chuyển đi bằng VNĐ: Áp dụng theo mức phí trên đây, giá trị ngoại tệ chuyển khoản quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá mua ngoại tệ chuyển khoản tại thời điểm giao dịch của VCB.
- VCB không thu phí với các khoản thanh toán trực tiếp giữa khách hàng với VCB với các khoản trả nợ vay, trả lãi, trả phí dịch vụ, trả tiền mua giấy tờ in hoặc các phương tiện thanh toán.
- VCB không hoàn trả lại phí thanh toán đã thu trong trường hợp khách hàng yêu cầu hủy bỏ dịch vụ thanh toán hoặc dịch vụ thanh toán không được thực hiện được vì sai sót, sự cố không phải do lỗi của VCB gây ra.
- Biểu phí này được thay đổi mà không cần có sự báo trước của ngân hàng trừ khi ngân hàng và khách hàng có thoả thuận khác.